

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No.: 406/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2020
Hanoi, 08 June 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **05/06/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Comonnet Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	590	2.5%
2	BVH	90	0.5%
3	CTG	6,160	15.6%
4	EIB	1,780	3.2%
5	HCM	210	0.4%
6	HDB	2,910	8.3%
7	MBB	7,360	13.6%
8	SSI	1,040	1.7%
9	STB	7,700	8.4%
10	TCB	7,050	15.3%
11	VCB	1,750	16.0%
12	VPB	5,840	14.4%
II	Tiền/Cash (VND)	1,498,824	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 973,242,500 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 974,741,324 VND
- + Giá trị chênh lệch/ Cash Component 1,498,824 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Options to Investors:

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason: Yes

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	15,700	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	41,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	MBB	18,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	TCB	21,200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	VPB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 05/06/2020	Kỳ trước/Last Period 04/06/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	27	0	27
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	54,900,000	52,200,000	2,700,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	9,710	9,800	-90
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	508,814,971,469	507,116,365,287	1,698,606,182
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	974,741,324	973,351,948	1,389,376
của 1 CCQ/ per Share	9,747.41	9,733.51	13.90
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	961.67	959.93	1.74

Đại diện tổ chức 

Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC